

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của vật liệu xây dựng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 1.1. Đối với các vật tư, vật liệu chính: Xi măng, sắt thép, gạch xây, cát các loại, đá các loại... | <ul style="list-style-type: none">- Có bảng kê danh mục vật tư (trong đó có kê khai rõ nguồn gốc, xuất xứ vật tư và nguồn cung cấp)- Có cam kết cung cấp vật tư của đơn vị cung ứng hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung ứng; cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc phải đúng tên gói thầu và tên công trình đấu thầu; tên gói thầu, tên công trình phải thể hiện tại trang đầu và trang có chữ ký, đóng dấu của nhà thầu và đơn vị cung ứng hoặc giữa các trang của hợp đồng nguyên tắc phải đóng dấu giáp lai hoặc chữ ký nháy từng trang của đơn vị cung ứng. <i>(Kèm theo giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp)</i> | Đạt |
| | <ul style="list-style-type: none">- Không có bảng kê danh mục vật tư (trong đó có kê khai rõ nguồn gốc, xuất xứ vật tư và nguồn cung cấp)- Không có cam kết cung cấp vật tư của đơn vị cung ứng hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung ứng; cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc không đúng tên gói thầu và tên công trình đấu thầu; không đóng dấu của nhà thầu và đơn vị cung ứng hoặc giữa các trang của hợp đồng nguyên tắc không đóng dấu giáp lai hoặc không có chữ ký nháy từng trang của đơn vị cung ứng. | Không đạt |
| 1.2. Đối với các vật tư, vật liệu khác: Vật tư thiết bị điện, vật tư | <ul style="list-style-type: none">- Có bảng kê danh mục vật tư (trong đó có kê khai rõ nguồn gốc, xuất xứ vật tư và nguồn cung cấp)- Có cam kết cung cấp vật tư của đơn vị cung ứng hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung ứng; | Đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---------------------|---|------------------|
| thiết bị nước,...vv | cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc phải đúng tên gói thầu và tên công trình đấu thầu; tên gói thầu, tên công trình phải thể hiện tại trang đầu và trang có chữ ký, đóng dấu của nhà thầu và đơn vị cung ứng hoặc giữa các trang của hợp đồng nguyên tắc phải đóng dấu giáp lai hoặc chữ ký nháy từng trang của đơn vị cung ứng. <i>(Kèm theo giấy đăng ký kinh doanh của đơn vị cung cấp)</i> | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Không có bảng kê danh mục vật tư (trong đó có kê khai rõ nguồn gốc, xuất xứ vật tư và nguồn cung cấp) - Không có cam kết cung cấp vật tư của đơn vị cung ứng hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung ứng; cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc không đúng tên gói thầu và tên công trình đấu thầu; không đóng dấu của nhà thầu và đơn vị cung ứng hoặc giữa các trang của hợp đồng nguyên tắc không đóng dấu giáp lai hoặc không có chữ ký nháy từng trang của đơn vị cung ứng. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết 1, 2 được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

2. Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---------------------------------|---|------------------|
| 1. Tổ chức mặt bằng công trường | Có giải pháp tổ chức mặt bằng đầy đủ, hợp lý, phù hợp hiện trạng mặt bằng công trường, phù hợp với giải pháp, biện pháp thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|------------------|
| 2. Công tác định vị, trắc đạc công trình. | Có giải pháp kỹ thuật, biện pháp thực hiện đảm bảo đầy đủ, đúng quy trình, quy phạm, các tiêu chuẩn hiện hành. Phù hợp với giải pháp, biện pháp thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 3. Giải pháp, biện pháp tổ chức thi công các hạng mục sau: - San nền, đường giao thông nội khu - Hệ thống cấp, thoát nước - Hệ thống cấp điện, đèn chiếu sáng năng lượng mặt trời | Có đề xuất giải pháp, biện pháp thi công đầy đủ cho từng phần tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, phù hợp với quy mô từng hạng mục công trình và hồ sơ thiết kế. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 4. Biện pháp thi công phòng chống của nhà thầu trong mùa mưa lũ | Có giải pháp khả thi | Đạt |
| | Không có giải pháp khả thi | Không đạt |
| 5. Giải pháp thí nghiệm, kiểm tra vật tư, vật liệu, cấu kiện | Có đề xuất giải pháp thí nghiệm vật tư, vật liệu, cấu kiện trước khi đưa vào sử dụng cho công trình. Có phòng thí nghiệm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Trường hợp nhà thầu thuê đơn vị khác có phòng thí nghiệm (đầy đủ tính pháp lý và các phép thử), nhà thầu phải cung cấp hồ sơ pháp lý của đơn vị đó và có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị thí nghiệm. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 5 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Không thuộc các trường hợp nêu trên. | Không đạt |

3. Tiến độ thi công:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|------------------|
| 1. Thời gian thi công | Đề xuất tổng thời gian thi công không vượt quá 240 ngày đồng thời có đề xuất thời gian thi công chi tiết từng hạng mục chính (dự kiến thời gian bắt đầu, thời gian kết thúc) có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất tổng thời gian thi công vượt quá 240 ngày hoặc không đề xuất thời gian thi công chi tiết từng hạng mục chính. | Không đạt |
| 2. Thuyết minh và Biểu tiến độ thi công chi tiết | Có thuyết minh và Biểu tiến độ thi công hợp lý, khả thi và phù hợp với giải pháp, biện pháp thi công và hồ sơ thiết kế kỹ thuật. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Biện pháp bảo đảm chất lượng:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---------------------------------|--|------------------|
| 1. Biện pháp bảo đảm chất lượng | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công từng phần. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 2. Sơ đồ quản lý chất lượng. | Có sơ đồ hệ thống quản lý chất lượng đầy đủ, phù hợp với quy mô gói thầu và quá trình thi công xây dựng công trình | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 2 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường, phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--------------------------------------|--|------------------|
| 1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động | Có biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy | Có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 3. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường đầy đủ các nội dung, đáp ứng quy định hiện hành của nhà nước và phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| Kết luận | Cả 3 tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--------------------------------|--|------------------|
| Bảo hành và thời gian bảo hành | Có thuyết minh công tác bảo hành khả thi và có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Đạt |
| | Không có thuyết minh công tác bảo hành hoặc có nhưng không khả thi hoặc thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. | Không đạt |

7. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|------------------|
| 1. Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu | Có cam kết không bị kết luận vi phạm về kết quả thực hiện hợp đồng quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Đạt |
| | Không có cam kết của nhà thầu hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ hoặc cam kết không đúng sự thật hoặc nhà thầu có tên trong danh sách nhà thầu có các hành vi quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và được đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mà không thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu đáp ứng giá trị yêu cầu của E-HSMT trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi này. | Không đạt |
| 2. Cam kết về “Tính xác thực của các thông tin kê khai, tài liệu chứng minh của E-HSDT” | Có bản cam kết của nhà thầu về “Tính xác thực của các thông tin kê khai, tài liệu chứng minh của E-HSDT” cho: hợp đồng tương tự; số liệu tài chính, báo cáo tài chính; năng lực kinh nghiệm các nhân sự chủ chốt; thiết bị thi công. | Đạt |
| | Không có cam kết hoặc cam kết không trung thực | Không đạt |

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo.